

Số: 482 /2025/TB-TUETECH

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Điểm chuẩn trúng tuyển đối với các ngành đào tạo Đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên, đợt 1 năm 2025

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT, ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Kinh Tế - Công nghệ Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 618 /2025/QĐ-TUETECH-HĐTS ngày 22/08/2025 của Hiệu trưởng-Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh Tế - Công nghệ Thái Nguyên về việc phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy, đợt 1 năm 2025;

Trường Đại học Kinh Tế - Công nghệ Thái Nguyên thông báo điểm chuẩn trúng tuyển đối với các ngành đào tạo đại học chính quy, đợt 1 năm 2025 theo các phương thức xét tuyển (theo điểm thi tốt nghiệp THPT; theo kết quả tổng điểm trung bình 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 và theo tổ hợp xét tuyển điểm lớp 12) năm 2025 như sau:

I. Điểm chuẩn trúng tuyển

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Điểm chuẩn trúng tuyển
1	A1QH	- Quản trị kinh doanh tổng hợp	7340101	Quản trị kinh doanh	- Điểm thi tốt nghiệp THPT, (Tổ hợp: A01; C00; D01; X78).	15.0
2	A1QD	- Quản trị doanh nghiệp công nghiệp			- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A01; C00; D01; X78, quy đổi).	
3	A1QK	- Quản lý kinh tế			- Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
4	A1KH	- Kế toán tổng hợp	7340301	Kế toán	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: A01; C00; D01; X78).	15.0
5	A1KD	- Kế toán doanh nghiệp công nghiệp			- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A01; C00; D01; X78 quy đổi). - Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
6	A1EM	- Marketing	7340115	Marketing	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: A01; D01; D10; X01).	15.0

					- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A01; D01; D10; X01, quy đổi).	
7	A1ET	- Marketing thương mại			- Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
8	A1LU	- Luật	7380101	Luật	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: C00; D01; D15; X01).	15.0
9	A1LD	- Luật Dân sự			- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: C00; D01; D15; X01, quy đổi).	
10	A1LH	- Luật hình sự			- Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
11	A1TC	- Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: A00; A01; D01; X06).	15.0
					- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A00; A01; D01; X06, quy đổi).	
					- Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
12	A1MM	- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X06).	15.0
					- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X06, quy đổi).	
					- Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
13	A1CK	- Cơ khí chế tạo máy	7520103	Kỹ thuật cơ khí	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X07).	15.0
14	A1CO	- Cơ khí động lực – ô tô			- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X07, quy đổi).	
15	A1CN	- Công nghệ kỹ thuật cơ khí			- Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
16	A1DT	- Điện tự động hóa	7520201	Kỹ thuật điện	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X07).	15.0
17	A1DH	- Hệ thống điện			- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X07, quy đổi).	
18	A1DC	- Công nghệ kỹ thuật điện			- Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
19	A1IC	- Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X26).	15.0
					- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X26, quy đổi).	
					- Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
20	A1GK	- Công nghệ kỹ thuật điều khiển;	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển	- Điểm thi tốt nghiệp THPT - (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X26).	15.0



				và tự động hóa	- Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A00 ; A01; D01; X26, quy đổi). - Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	
21	A1GT	- Công nghệ tự động hóa				
22	A1HH	- Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	- Điểm thi tốt nghiệp THPT- (Tổ hợp: C00; D01; D15; DH5). - Điểm lớp 12 (Tổ hợp: C00; D01; D15; DH5, quy đổi). - Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	15.0
23	A1AA	- Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	- Điểm thi tốt nghiệp THPT- (Tổ hợp: A01; D01; D10; D14). - Điểm lớp 12 (Tổ hợp: A01; D01; D10; D14, quy đổi). - Tổng điểm trung bình lớp 10, 11 và 12.	15.0

Ghi chú:

+ Điểm chuẩn trúng tuyển trên lấy theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025 là tổng điểm 3 môn thi trong tổ hợp đăng ký xét tuyển + (điểm ưu tiên khu vực, đối tượng nếu có).

+ Điểm chuẩn này cũng là điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển theo học bạ THPT gồm:

a) Tổng điểm trung bình chung học tập lớp 10 + lớp 11 + lớp 12 + điểm ưu tiên;

Điểm học bạ = Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + Điểm TB cả năm lớp 12 + điểm UT (nếu có) ≥ 15

b) Tổng điểm trung bình học tập của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển lớp 12 + điểm ưu tiên (đã quy đổi), đạt từ 15 điểm trở lên.

Điểm học bạ = Điểm TB cả năm lớp 12 môn 1 + Điểm TB cả năm lớp 12 môn 2 + Điểm TB cả năm lớp 12 môn 3 + điểm UT (nếu có), đã quy đổi ≥ 15

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển, sau đó đã quy đổi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngưỡng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 30.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (nếu có), được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

*. **Điểm xét tuyển** giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp).

Nơi nhận:

- HĐT (để báo cáo);
- PHT (để chỉ đạo);
- Website;
- HĐTS TUETECH (thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG



GS. TS Nguyễn Đăng Bình